

Số: 17/QĐ-TKD

Quận 1, ngày 19 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Trường Tiểu học Trần Khánh Dư

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61;

Căn cứ Quyết định số 5542/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2022 của UBND Quận 1 về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 Khối giáo dục;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Tiểu học Trần Khánh Dư (theo biểu 02 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng sư phạm, bộ phận tài vụ, cán bộ, giáo viên, công nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Giáo dục & Đào tạo;
- Phòng Tài chính;
- Website trường TKD;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Phúc

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN KHÁNH DƯ

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số 17/QĐ-TKD ngày 12 tháng 01 năm 2024 của trường Tiểu học Trần Khánh Dư)

Đơn vị : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Chi chú
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	2.810.150.000	0
1	Thu học phí	0	
2	Thu sự nghiệp khác	2.801.150.000	
	- Thiết bị, vật dụng phục vụ hs bán trú	49.500.000	330 hs x 150.000đ
	- Tổ chức phục vụ QL và vệ sinh bán trú	1.039.500.000	330 hs x 350.000đ x 9 tháng
	- Tổ chức học 2 buổi	61.875.000	75 hs x 150.000đ x 5,5 tháng
	- Tổ chức dạy tin học tự chọn	93.500.000	220 hs x 50.000đ x 8,5th
	- Tổ chức học tiếng Anh với người nước ngoài	743.750.000	350 hs x 250.000đ x 8,5th
	- Tổ chức dạy Năng khiếu TDTT	183.600.000	240 hs x 90.000đ x 8,5thg
	- Tổ chức dạy tăng cường tiếng Anh	187.000.000	(150hs x 50.000đ x 8,5)+(145hs x 100.000 x 8,5)
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ kỹ sư Robotic	71.400.000	70 hs x 120.000đ x 8,5thg
	- Tổ chức dạy câu lạc bộ Kỹ năng sống	244.800.000	360 hs x 80.000đ x 8,5thg
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ Aerobic	45.900.000	60 hs x 90.000đ x 8,5thg
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ tăng cường tin học	53.550.000	180 hs x 35.000đ x 8,5thg
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ NK Múa	26.775.000	35hs x 90.000đ x 8,5thg
3	Thu khác	9.000.000	
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	9.000.000	
II	Chi từ nguồn thu được để lại	2.810.150.000	
	<i>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</i>	2.744.947.000	
	Tiền công bảo mẫu, PVBT	540.000.000	6trx10ngx9th
	Các khoản đóng góp	131.976.000	4.680.000 x 10x23,5%x12
	TT tiền học phí cho CLB, năng khiếu, Tiếng Anh....	1.382.242.000	85- 88% nguồn thu
	Tiền lương GV dạy thỉnh giảng	165.750.000	3GV x 6,5 tr x 8,5 thg
	Tiền lương GV dạy buổi 2	35.062.500	55.000 x 75hs x 8,5th
	Chi QL tổ chức PV các HĐ	238.000.000	28.000.000 x 8,5
	Thanh toán tiền điện	22.000.000	5,5tr x 4th
	Thanh toán tiền nước	10.500.000	3,5 tr x 3th
	Thanh toán tiền điện thoại	900.000	300.000 x 3 th
	Thanh toán tiền internet	2.800.000	700.000 x 4th
	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	2.350.000	2.350.000 x 1 quý
	Mua sắm Khăn, chiếu, gối..BT	48.500.000	
	Hàng hóa vật tư vệ sinh (10tr*9th)	80.750.000	9,5tr x 8,5th
	Mua VPP, Vật tư làm đồ dùng dạy học	12.750.000	1,5tr x 8,5th

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Chi chú
	Chi mua sắm khác, chi khác	26.966.500	
	Bồi dưỡng trực đêm, T7,CN, khác	44.400.000	3,7 x 12 thg
	Phí chuyển khoản và dịch vụ ngân hàng	9.000.000	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	56.203.000	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.033.534.683	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.033.534.683	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	7.033.534.683	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên thực hiện tự chủ	4.029.917.586	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 13)	4.029.917.586	
	Lương theo ngạch, bậc	1.880.976.000	105,2 x 1490 x 12 thg
	Lương hợp đồng theo chế độ	168.480.000	4.680.000 x 3 x 12 thg
	Phụ cấp chức vụ	39.336.000	2,2 x 1490 x 12 thg
	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, trách nhiệm	7.152.000	0,4 x 1490 x 12 thg
	Phụ cấp ưu đãi nghề	595.046.400	33,28 x 1490 x 12 thg
	Phụ cấp TNVK; PC TNN, chênh lệch bảo lưu	342.223.200	19,14 x 1490 x 12 thg
	Bảo hiểm xã hội	425.427.660	
	Bảo hiểm y tế	83.251.436	
	Kinh phí công đoàn	14.495.717	
	Bảo hiểm thất nghiệp	9.589.173	
	Trợ cấp phụ cấp khác	45.000.000	
	Tiền điện	109.000.000	(11 tr x 9 tháng) + (5tr x 2 thg)
	Tiền nước	71.000.000	(7 tr x 9 tháng) + (4tr x 2 thg)
	Vật tư văn phòng, VPP	22.500.000	2,5 tr x 9 tháng
	Thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet;	13.200.000	1,1 tr x 12 tháng
	Trang bị bảo hộ lao động.....	16.500.000	500.000 x 33 người
	Khoản công tác phí	13.500.000	1,5 tr x 9 tháng
	Thuê lao động trong nước	84.240.000	4,68 tr x 2 x 9 tháng
	Thuê mướn khác	15.000.000	
	Mua sắm trang thiết bị giảng dạy	30.000.000	
	Trang phục của giáo viên thể dục	4.000.000	2 tr x 2 GV
	Chi sửa chữa: Nhà cửa, đường điện, đường nước, bảo trì máy lạnh	40.000.000	
b	- Kinh phí chi thường xuyên (nguồn 14)	2.797.418.098	
	+ Thực hiện chênh lệch tăng lương cơ sở theo ND 24/2023	466.263.098	
	Lương theo ngạch, bậc	248.496.000	100,2 x 310 x 8 thg
	Phụ cấp chức vụ	5.456.000	2,2 x 310 x 8 thg
	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, trách nhiệm	992.000	0,4 x 310 x 8 thg
	Phụ cấp ưu đãi nghề	87.507.582	33,28 x 310 x 8 thg
	Phụ cấp TNVK; PC TNN, chênh lệch bảo lưu	47.467.200	19,14 x 310 x 8 thg
	Bảo hiểm xã hội	68.062.187	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Chi chú
	Bảo hiểm y tế	3.659.322	
	Kinh phí công đoàn	3.204.422	
	Bảo hiểm thất nghiệp	1.418.385	
	+ Thực hiện các chính sách tiền lương theo quy định (nguồn 14)	2.331.155.000	
	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ08/2023	2.331.155.000	
c	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không thực hiện tự chủ	206199000	
	- Kinh phí chi thường xuyên (nguồn 12) trong đó:	206199000	
	+ Kinh phí cho giáo viên dạy hòa nhập, khuyết tật	34.775.000	
	+ Kinh phí miễn giảm HP và hỗ trợ chi phí học tập	8.950.000	
	+ Kinh phí làm thêm giờ	162.474.000	
II	Nguồn vốn viện trợ	0	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	

KÊ TOÁN



Đặng Thị Huỳnh Như



Ngày 12 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Phúc